

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 12 - 4 - 2021

V/v “*Xin ly hôn; Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự; Yêu cầu hủy văn bản ủy quyền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc “*Xin ly hôn; Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự; Yêu cầu hủy văn bản ủy quyền*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương bị kháng cáo.

Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1020/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2021/QĐ-PT ngày 22/02/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị Tr, sinh năm 1959.

Địa chỉ: TDP LT2, thị trấn D, ĐD, Lâm Đồng.

Nơi ở hiện nay: LT2, xã ĐT, huyện ĐR, Lâm Đồng

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Thị Lê Th – Văn phòng luật sư Phan Lê Th thuộc đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1947.

Địa chỉ: TDP LT 2, thị trấn D, ĐD, Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Cao T – Văn phòng luật sư Bá T thuộc đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng chính sách xã hội huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: Đường A, thị trấn TM, ĐD, Lâm Đồng.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ngọc T – Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ D.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình H – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện ĐD; Theo Văn bản ủy quyền ngày 02/01/2020.

3.2 UBND thị trấn D, huyện ĐD, Lâm Đồng.

Địa chỉ: TDP1, Thị trấn D, huyện ĐD, Lâm Đồng;

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh V – Chủ tịch UBND Thị trấn D, ĐD, Lâm Đồng

3.3 Vợ chồng ông Cao Huy Hùng A, sinh năm: 1946; bà Đào Thị H, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số nhà CC, XR, TDP PT 2, thị trấn D, huyện ĐD

3.4. Anh Lê Đào Quốc Vư, sinh năm 1983;

3.5. Anh Lê Đào Huy V, sinh năm 1985;

3.6. Chị Lê Đào Thảo V1, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Số ABV, LT 2, thị trấn D, huyện ĐD, Lâm Đồng.

4. Người Làm chứng:

Ông Ngô Thanh H, sinh năm: 1980

Địa chỉ: LT 2, thị trấn D, huyện ĐD, Lâm Đồng.

Ông Lý Quốc An, sinh năm: 1968

Địa chỉ: LT 2, thị trấn D, huyện ĐD, Lâm Đồng.

Bà Nguyễn Thị Mười, sinh năm: 1955

Địa chỉ: LT 2, thị trấn D, huyện ĐD, Lâm Đồng.

Do có kháng cáo của: Ông Lê Văn T – Bị đơn; Ông Cao Huy Hùng A, anh Lê Đào Huy V, anh Lê Đào Quốc Vư, chị Lê Đào Thảo V - Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

(Bà Tr, ông T, ông Hùng A, bà H, anh V, chị V và Luật sư Th, Luật sư T có mặt; anh Vư, Ngân hàng Chính sách xã hội, UBND thị trấn Dran có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Đào Thị Tr trình bày: Bà và ông Lê Văn T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, tổ chức đám cưới theo

phong tục tập quán và chung sống với nhau từ năm 1982 cho đến năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về kinh tế, cuộc sống không tìm được tiếng nói chung, thường hay cãi vã đánh đập và xúc phạm nhau nên bà Tr đã bỏ đi và sống ly thân từ năm 2001 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T.

- *Về con chung*: Bà Đào Thị Tr và ông Lê Văn T đều thừa nhận trong quá trình chung sống có 03 con chung là Lê Đào Quốc Vư, sinh năm 1983; Lê Đào Huy V, sinh năm 1985; Lê Đào Thảo V, sinh năm 1987; Hiện nay con chung của bà Tr và ông T đều đã trưởng thành không mắc các bệnh hiểm nghèo, đã lập gia đình riêng và có thể tự lo cho cuộc sống của mình nên không đề cập đến vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Bà Đào Thị Tr và ông Lê Văn T đều thống nhất quá trình chung sống giữa hai bên có tạo dựng được 01 diện tích đất 1.243m² thuộc thửa đất số 353, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại TDP Lạc Thiện 2 – Thị trấn Dran – Đơn Dương – Lâm Đồng, đo đạc thực tế là 1.507m². Nguồn gốc diện tích đất có từ năm 1982 do bà Tr và ông T mua của vợ chồng em gái là ông Cao Huy Hùng Anh và bà Đào Thị H với giá 01 lượng vàng 24k, trả được 03 chỉ vàng 24k, còn nợ lại 07 chỉ vàng 24k. Từ thời gian bà Tr và ông T sống ly thân cho đến nay thì ông Anh bà H cũng không yêu cầu bà Tr và ông T phải trả số tiền mua đất còn nợ lại.

Trước đây theo đơn khởi kiện, bà Đào Thị Tr có yêu cầu đòi với diện tích đất nêu trên chia đều cho 03 người con, mỗi người 10m ngang x chiều dài hết đất, còn lại bao nhiêu thì bà Tr và ông T chia đôi mỗi người ½ diện tích và nhận bằng hiện vật là diện tích đất. Trong quá trình làm việc tại Tòa án do các người con là Lê Đào Quốc Vư, Lê Đào Huy V và Lê Đào Thảo V yêu cầu bà Tr giao đất theo bản thỏa thuận nhưng bà Tr không đồng ý và chỉ đồng ý chia cho mỗi người con 05m ngang x chiều dài hết đất, các bên không đồng ý nên bà Tr yêu cầu chia đôi diện tích đất 1.507m² thuộc thửa đất số 353, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại TDP Lạc Thiện 2 – Thị trấn Dran – Đơn Dương – Lâm Đồng cho bà Tr và ông T bằng hiện vật, bà Tr nhận phần diện tích 753,5m², ông T nhận phần diện tích 753,5m². Bà Đào Thị Tr thống nhất với kết quả đo vẽ quyền sử dụng đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương và kết quả định giá tài sản ngày 13/08/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đơn Dương, không yêu

cầu đo vẽ và định giá lại. Đối với số tiền chi phí đo vẽ và định giá tài sản bà Tr đã tạm nộp thì bà Tr nhận chịu.

- *Về nợ chung*: Bà Tr và ông T có 01 khoản nợ chung tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đơn Dương là 30.000.000đ, đối với số tiền nêu trên ông T không yêu cầu bà phải có nghĩa vụ thanh toán nên nợ đến hạn ông T có nghĩa vụ trả toàn bộ tiền gốc và lãi phát sinh, bà không có ý kiến gì.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án bà Đào Thị Tr yêu cầu hủy giấy tay ngày 07/01/2002 và yêu cầu hủy Giấy ủy quyền ngày 30/09/2002 được UBND Thị trấn Dran xác nhận, được chứng thực số 43, quyển số 01 ngày 30/09/2002. Ngoài ra bà Đào Thị Tr không còn yêu cầu nào khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của các con là anh Lê Đào Quốc Vư, Lê Đào Huy V, Lê Đào Thảo V đề nghị Tòa án công nhận diện tích đất 1.243m² thuộc quyền sở hữu của các anh chị thì bà Tr không đồng ý vì nguồn gốc diện tích đất này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà và ông T, những người con của ông bà không có quyền yêu cầu gì.

2. *Theo bản tự khai ngày 21/02/2019, các biên bản làm việc và tại phiên tòa – Bị đơn ông Lê Văn T trình bày*: Ông Lê Văn T xác nhận lời trình bày nêu trên của bà Tr là đúng về quá trình tìm hiểu, chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông T đồng ý ly hôn với bà Tr.

- *Về con chung*: Ông Lê Văn T thống nhất xác nhận trong quá trình chung sống giữa ông T với bà Tr có 03 con chung là Lê Đào Quốc Vư, sinh năm 1983; Lê Đào Huy V, sinh năm 1985; Lê Đào Thảo Vi, sinh năm 1987; Hiện nay con chung của bà Tr và ông T đều đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung*: Ông Lê Văn T thống nhất về nguồn gốc tài sản chung là diện tích 1.507m² thuộc thửa đất số 353, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại TDP Lạc Thiện 2 – Thị trấn Dran – Đơn Dương – Lâm Đồng như bà Tr trình bày là đúng. Tuy nhiên khi vợ chồng mâu thuẫn trước khi ly thân thì vào ngày 07/01/2002 bà Đào Thị Tr có viết 01 giấy tay với nội dung ủy quyền sử dụng đất và tài sản, theo đó bà Tr giao lại cho 03 người con trọn quyền sử dụng, có xác nhận của ông và các người con. Căn cứ vào Giấy viết tay nêu trên, vào ngày 30/09/2002 ông đã làm 01 Giấy ủy quyền gửi đến UBND Thị trấn Dran xin xác nhận để lại diện tích đất cho 03 người con được toàn quyền sử dụng và được UBND Thị trấn Dran xác nhận, được chứng thực số 43, quyển số 01 ngày 30/09/2002.

Việc bà Tr viết giấy tự nguyện giao lại đất cho các người con để các con có cơ sở làm ăn về sau, chứ ông không hề ép buộc bà Tr viết giấy, do bà Tr không

biết cách viết đúng thể thức và ngôn từ nên ông mới đọc cho bà Tr viết, chữ viết và nội dung do bà Tr viết và ký. Khi viết giấy tôi không hề hù dọa tinh thần hay đánh đập gì bà Tr và ông cùng các con ký xác nhận vào giấy. Trong quá trình sử dụng ông có chuyển nhượng cho ông Ngô Thanh H (*Người sử dụng đất liền kề*) một mét đất chiều ngang x chiều sâu dài hết đất với giá 150.000.000đ để ông H làm lối đi. Nay toàn bộ diện tích đất này ông cùng các con đang sử dụng, trên đất có xây 01 căn nhà cấp 4 để ở và diện tích còn lại trồng rau màu, có 01 giếng khoan, hiện trạng đất không có gì thay đổi so với trước đây. Ông đã để lại cho các con nên công nhận diện tích đất 1.507m² thuộc thửa đất số 353, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại TDP Lạc Thiện 2 – Thị trấn Dran – Đơn Dương – Lâm Đồng thuộc quyền sở hữu của các người con là Lê Đào Quốc Vur, Lê Đào Huy V, Lê Đào Thảo Vi. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Tr thì ông không đồng ý. Ông thống nhất với kết quả đo vẽ quyền sử dụng đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương và kết quả định giá tài sản ngày 13/08/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đơn Dương, không yêu cầu đo vẽ và định giá lại.

- *Về nợ chung*: Ông xác nhận có vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đơn Dương số tiền 50.000.000đ, trong đó có 30.000.000đ là nợ chung của ông và bà Tr, còn lại 20.000.000đ là nợ riêng của ông, đối với số tiền nợ 50.000.000đ này ông xin nhận chịu hết toàn bộ không yêu cầu bà Tr trả, khi nợ đến hạn ông sẽ trả hết toàn bộ tiền gốc và lãi phát sinh.

Những người con là Lê Đào Quốc Vur, Lê Đào Huy V, Lê Đào Thảo Vi đều thống nhất với lời trình bày của ông T và không trình bày gì thêm.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đơn Dương có đại diện là ông Phạm Đình Hồ trình bày: Vào ngày 18/09/2019 ông Lê Văn T có vay của Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 50.000.000 đồng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 18/09/2024, đối với số nợ này thì do một mình ông T đứng ra vay chứ bà Tr không liên quan, ông T cũng chấp hành việc trả nợ lãi đúng theo quy định. Nay Ngân hàng không yêu cầu ông Lê Văn T phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh trước thời hạn, khi đến hạn trả nợ ông T có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh, nếu ông T không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện thành một vụ án khác.

3.2. Đại diện theo ủy quyền của UBND Thị trấn Dran – Bà Nguyễn Thị Bích Hà trình bày: Vào ngày 30/09/2002 ông Lê Văn T có đến UBND Thị trấn Dran để yêu cầu chứng thực giấy ủy quyền. Việc UBND Thị trấn Dran chứng thực là

chứng thực chữ ký, năng lực hành vi dân sự và ý chí tự nguyện của người yêu cầu chứng thực, không chứng thực về mặt nội dung. Hiện nay quyền sử dụng đất tại diện tích đất 1.243m² thuộc thửa đất số 353, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại TDP Lạc Thiện 2 – Thị trấn Dran – Đơn Dương – Lâm Đồng vẫn đang đứng tên ông T, chưa chuyển quyền sử dụng cho ai. Giấy ủy quyền mà ông T chứng thực không phải là cơ sở pháp lý để cơ quan có thẩm quyền lập các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Do vậy, ý kiến trình bày của ông T không được xem là cơ sở để xem xét quyền sử dụng đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của ba người con là Lê Đào Quốc Vư, Lê Đào Huy V và Lê Đào Thảo V.

3.3. Bà Đào Thị H trình bày: Nguồn gốc diện tích đất 1.243m² (*thực tế đo đạc là 1.507m²*) thuộc thửa đất số 353, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại TDP Lạc Thiện 2 – Thị trấn Dran – Đơn Dương – Lâm Đồng là từ những năm 1982, bà Tr và ông T mua của vợ chồng bà với giá 01 cây vàng 24k (*trả chưa đủ*), có trả nhiều lần có lần bằng vàng có lần trả bằng tiền mặt tổng số tiền bao nhiêu bà không nhớ. Từ thời gian bà Tr và ông T sống ly thân thì vợ chồng bà cũng không yêu cầu bà Tr và ông T phải trả số tiền mua đất còn nợ lại và công nhận quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản chung của bà Tr với ông T. Trước yêu cầu chia tài sản chung của bà Tr đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để bảo vệ quyền lợi cho bà Tr. Hiện nay ông T đang ở trên đất và sử dụng đất này. Đối với số vàng còn nợ ông bà không có thắc mắc khiếu nại gì, bà cũng không yêu cầu bà Tr và ông T phải trả. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác. Bà thống nhất với kết quả đo vẽ quyền sử dụng đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương và kết quả định giá tài sản ngày 13/08/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đơn Dương, không yêu cầu đo vẽ và định giá lại.

3.4. Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của các anh, chị Lê Đào Quốc Vư, Lê Đào Huy V, Lê Đào Thảo V trình bày: Vào ngày 07/01/2002 bà Đào Thị Tr có viết 01 giấy tay với nội dung ủy quyền sử dụng đất và tài sản giao lại cho 03 người con trọn quyền sử dụng, có xác nhận của ông T và những người con. Căn cứ vào Giấy viết tay nêu trên, vào ngày 30/09/2002 ông T đã làm 01 Giấy ủy quyền gửi đến UBND Thị trấn Dran để xin xác nhận để lại diện tích đất cho những người con được toàn quyền sử dụng và được UBND Thị trấn Dran xác nhận, được chứng thực số 43, quyển số 01 ngày 30/09/2002.

Nay anh Vư, anh V, chị V yêu cầu bà Tr thực hiện giao dịch này và đề nghị công nhận diện tích đất 1.243m² (*thực tế đo đạc là 1.507m²*) thuộc thửa đất số 353, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại TDP Lạc Thiện 2, thị trấn Dran, huyện Đơn

Dương, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sở hữu của các anh chị Lê Đào Quốc Vư, Lê Đào Huy V, Lê Đào Thảo V.

4. Người làm chứng;

4.1. Ông Ngô Thanh H trình bày: Trong quá trình sử dụng đất vào năm 2018 ông H có nhận chuyển chuyển nhượng của ông Lê Văn T một mét đất chiều ngang x chiều sâu dài hết đất với giá 150.000.000đ để làm lối đi ra đất của ông H phía sau và sử dụng ổn định đến nay không có ai tranh chấp.

4.2. Ông Lý Quốc A trình bày: Ông là người sử dụng đất liền kề với đất của ông T, bà Tr, căn cứ kết quả đo vẽ ông thấy có biến động về ranh giới cụ thể đất ông T bà Tr có lấn sang đất ông tại thửa 351 là 12m², thửa 352 là 20m². Tuy nhiên, đó là biến động tự nhiên, ông sử dụng ổn định từ trước đến nay có rào lưới B40 nên không tranh chấp gì trong vụ án này.

4.3. Bà Nguyễn Thị M trình bày: Gia đình bà sử dụng đất ổn định từ năm 1985 cho đến nay, sử dụng liền kề với đất của ông T, bà Tr, có hàng rào lưới B40, hai bên gia đình không tranh chấp gì về ranh giới trong vụ án này.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 18/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Tr.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đào Thị Tr và ông Lê Văn T

2. Về Tài sản chung: Giao cho bà Đào Thị Tr 500m² đất thuộc thửa 1/353, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại TDP Lạc Thiện 2 – Thị trấn Dran – Đơn Dương – Lâm Đồng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 343203 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 12/06/2000 và tạm giao cho bà Đào Thị Tr 100m² đất chưa được cấp trong tổng số 400m² thuộc một phần thửa 1/353, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại TDP Lạc Thiện 2 – Thị trấn Dran – Đơn Dương – Lâm Đồng Tổng cộng bà Đào Thị Tr được nhận là 600m² (Tương đương 1/3 tổng diện tích thửa 353). Đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đường hiện trạng của thửa 1/353 cạnh dài 21.8m
- Phía Tây giáp phần đất chia cho ông T có cạnh dài 27.5m
- Phía Nam giáp thửa 1/353 cạnh dài 26.5m
- Phía Bắc giáp thửa 1/300 cạnh dài 25.4m; có 32m² thuộc 1/300 nằm ngoài lộ giới chưa được công nhận. (Có sơ đồ kèm theo).

Giao cho ông Lê Văn T 607m² đất thuộc một phần thửa 1/353, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại TDP Lạc Thiện 2 – Thị trấn Dran – Đơn Dương – Lâm Đồng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 343203 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 12/06/2000 và tạm giao cho ông Lê Văn T 300m² đất chưa được cấp trong tổng số 400m² thuộc một phần thửa 1/353, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại TDP Lạc Thiện 2 – Thị trấn Dran – Đơn Dương – Lâm Đồng. Tổng cộng ông Lê Văn T được nhận là 907m² (*Tương đương 2/3 tổng diện tích thửa 353*).

- Phía Đông giáp đất chia cho bà Tr cạnh dài 27.5m
- Phía Tây giáp phần thửa 750 có cạnh dài 34.3m
- Phía Nam giáp thửa 1/351, 1/352 cạnh dài 32.8m
- Phía Bắc giáp thửa 1/300 cạnh dài 27.6m; có 45m² nằm trong lộ giới được công nhận. (*Có sơ đồ kèm theo*).

Bà Đào Thị Tr và ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đất đai để được điều chỉnh biên động cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đào Thị Tr yêu cầu 153,5m² đất thuộc một phần thửa 1/353, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại TDP Lạc Thiện 2 – Thị trấn Dran – Đơn Dương – Lâm Đồng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 343203 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 12/06/2000.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của các anh chị Lê Đào Quốc Vư, Lê Đào Huy V, Lê Đào Thảo V yêu cầu bà Đào Thị Tr thực hiện giao dịch sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1/353, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại TDP Lạc Thiện 2 – Thị trấn Dran – Đơn Dương – Lâm Đồng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 343203 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 12/06/2000.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 02/10/2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Huy Hùng Anh kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của ông về phần tài sản chung của bà Tr, ông T

Ngày 05/10/2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Đào Huy V, anh Lê Đào Quốc Vư, chị Lê Đào Thảo V kháng cáo đề nghị Tòa án giao toàn bộ tài sản cho anh Vư, anh Vũ, chị V.

Ngày 06/10/2020 bị đơn ông Lê Văn T kháng cáo về phần tài sản chung.

Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1020/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng với nội dung đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn và yêu cầu của các anh chị Lê Đào Quốc Vur, Lê Đào Huy V, Lê Đào Thảo V và của vợ chồng ông Cao Huy Hùng Anh là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khẳng định thửa đất 353 tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại TDP Lạc Thiện 2, thị trấn Dran, huyện Đơn Dương là tài sản riêng của ông T. Trước khi bỏ nhà ra đi, bà Tr đã viết giấy tay ngày 07/01/2002 thể hiện nội dung ủy quyền sử dụng đất và tài sản, theo đó bà Tr giao lại cho 03 người con trọn quyền sử dụng, có xác nhận của ông T và những người con. Việc bà Tr viết giấy tự nguyện giao lại đất là hoàn toàn tự nguyện, không hề có sự ép buộc. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Sửa hoặc hủy bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh V, chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh Vur có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện nội dung vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hùng Anh, bà H có ý kiến nếu Tòa án giao toàn bộ thửa đất cho ông T thì ông bà không có ý kiến gì. Trường hợp nếu chia tài sản chung cho cả bà Tr, ông T thì ông bà đề nghị Tòa án xem xét chia cho ông bà một phần theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị số 1020/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS hủy toàn bộ

bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Tr và ông T tự nguyện tìm hiểu, chung sống như vợ chồng từ năm 1982, có 03 người con chung nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, bà Tr đã bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân từ năm 2002 cho đến nay. Nay bà Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, đồng thời yêu cầu chia tài sản chung, hủy bỏ văn bản ủy quyền sử dụng đất đai. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 11 luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 để áp dụng giải quyết tranh chấp và xác định quan hệ “*Xin ly hôn; Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự; Yêu cầu hủy văn bản ủy quyền*” là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về Nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Huy Hùng A, anh Lê Đào Huy V, anh Lê Đào Quốc Vư, chị Lê Đào Thảo V. Hội đồng xét xử thấy rằng; Diện tích đất 1.243m² (*thực tế đo đạc là 1.507m²*) thuộc thửa đất số 353, tờ bản đồ 28 tọa lạc tại TDP Lạc Thiện 2, thị trấn Dran, huyện Đơn Dương. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Văn T được Ủy ban nhân dân huyện Đơn Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01933 QSDĐ/29/QĐ.H ngày 12/6/2000. Thửa đất có nguồn gốc: Ngày 24/10/1985 ông T viết đơn xin đất cất nhà ở có sự đồng ý của người có đất “*Tôi Cao Huy Hùng Anh có đồng ý cho anh T đấm đất nêu trên*” và có xác nhận của Ban chỉ huy tập đoàn II Lạc Thiện “*Ban chỉ huy tập đoàn II Lạc Thiện xác nhận đất Cao Hùng Anh đã vào tập đoàn nay ông Cao Hùng Anh đồng ý vậy chuyển ủy ban giải quyết*” và xác nhận của Ban quản lý ruộng đất xã Lạc Nghiệp “*Ông Lê Văn T xin đất làm nhà ở tại thửa đất số 1259 tờ bản đồ số 4 xã Lạc Nghiệp diện tích 1.242m thửa đất này thuộc khu dân cư Đội 2/HTX/Quảng Thiện không trở ngại quy hoạch...*” (bút lúc 96). Tại Quyết định số 44/QĐ-UB ngày 20/01/1988 Ủy ban nhân dân huyện Đơn Dương đã Quyết định giao đất theo đơn xin đất của ông T, diện tích 1.242m² thuộc thửa 1.242, tờ bản đồ số 4, lô đất có tứ cận Đông giáp đất thổ cư ông Cường, Tây giáp thổ cư ông Bích, Nam giáp ruộng lúa Hợp tác xã, Bắc giáp quốc lộ 21B (*bút lục 98*). Theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân gia đình thì “*Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân.... Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế*

riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng”. Cả bà Tr, ông T đều thừa nhận nguồn gốc đất hình thành sau khi vợ chồng chung sống với nhau mới có, do đó cần công nhận thửa đất trên là tài sản chung của vợ chồng. Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên bà Tr đã bỏ nhà đi từ năm 2002 cho đến nay. Ông T là người nuôi các con trưởng thành, hiện nay ông T và các con đang sinh sống trên thửa đất này và ông T cũng là người duy trì, phát triển khối tài sản chung, sửa chữa từ căn nhà gỗ thành căn nhà cấp 4 như hiện nay. Bà Tr không có công sức đóng góp để gìn giữ và tôn tạo đất, cũng không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên xét về điều kiện thực tế của bà Tr hiện nay không có nhà ở, không có tài sản nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tr. Chia cho bà Tr một phần quyền sử dụng đất tương đương với 1/3 tổng diện tích của thửa đất là có căn cứ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người phụ nữ sau ly hôn.

[2.1] Đối với yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Đào Thảo V, anh Lê Đào Quốc Vư, anh Lê Đào Huy Vũ thì thấy rằng; Vào ngày 07/01/2002 bà Đào Thị Tr có viết 01 giấy tay với nội dung ủy quyền sử dụng đất và tài sản, giao lại cho chị Lê Đào Thảo V và Lê Đào Quốc Vư, Lê Đào Huy Vũ trọn quyền sử dụng đất, có xác nhận của ông Lê Văn T và các anh chị. Căn cứ vào giấy viết tay nêu trên, ngày 30/9/2002 ông Lê Văn T đã làm một giấy ủy quyền gửi đến UBND thị trấn Dran để xin xác nhận để lại diện tích đất cho anh Vư, anh Vũ, chị V toàn quyền sử dụng và được UBND thị trấn Dran xác nhận, được chứng thực số 43, quyển số 01 ngày 30/9/2002. Tuy nhiên, việc ủy quyền này không được lập thành văn bản theo quy định tại Điều 691 Bộ luật dân sự năm 1995, Điều 467 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 459 Bộ luật dân sự năm 2015 nên việc ủy quyền sử dụng đất và tài sản giao lại cho chị Vi, anh Vũ, anh Vư không có giá trị pháp lý và hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Văn T chứ không phải chị Lê Đào Thảo V và Lê Đào Quốc Vư, Lê Đào Huy Vũ. Bên cạnh đó Ủy ban nhân dân huyện Đơn Dương xác nhận việc Ủy ban nhân dân thị trấn Dran chứng thực là chứng thực chữ ký, năng lực hành vi dân sự và ý chí tự nguyện của người yêu cầu chứng thực. Không chứng thực nội dung văn bản. Tại văn bản ủy quyền của ông Lê Văn T lập ngày 30/9/2002, UBND thị trấn Dran chỉ chứng thực chữ ký của ông T. Chứ không có thẩm quyền công nhận diện tích 1.243m² đất thuộc quyền sử dụng của 03 người con chung của ông T và bà Tr. Do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh, chị Lê Đào Thảo V, Lê Đào Quốc Vư, Lê Đào Huy Vũ.

[2.2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm

trọng thủ tục tố tụng do trong quá trình giải quyết vụ án không đưa ông Cao Huy Hùng A vào tham gia tố tụng, chỉ sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương có yêu cầu thì Tòa án mới đưa ông Hùng A vào tham gia tố tụng, nhưng lại không thực hiện các thủ tục tố tụng với ông Hùng A là không đảm bảo quyền lợi cho ông Hùng A. Tuy nhiên; qua xem xét toàn bộ các liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng Tòa án sơ thẩm có đưa bà Đào Thị H vào tham gia với tư cách tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tại biên bản đối chất lập ngày 27/8/2020 bà H trình bày “...xác nhận nguồn gốc đất của ông T, bà Tr có được là do chúng tôi chuyển quyền lại cho...tuy nhiên, hiện nay tôi không có tranh chấp gì trong vụ án này đối với ông T, bà Tr và các con của ông T...” (bút lục 120,121) và (bút lục số 118) lời trình bày của bà H thể hiện “...*tại buổi hòa giải hôm nay chồng tôi vắng mặt nhưng tôi cam đoan những lời trình bày của tôi cũng là sự thống nhất của chồng tôi, không có thắc mắc khiếu nại về sau...nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác*”; như vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm có ông Hùng Anh vào tham gia tố tụng nhưng không làm thủ tục theo quy định là có sự thiếu sót nhưng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Hơn nữa việc bà Tr cho rằng mua diện tích đất trên của vợ chồng bà Đào Thị Huệ, ông Cao Huy Hùng A với giá 01 cây vàng, hiện đã trả được 03 chỉ và còn nợ lại 07 chỉ là không đúng. Bởi lẽ việc mua bán giữa hai bên không hề có giấy tờ, không giao đất và chỉ ranh thực tế. Tại phiên tòa hôm nay, cả bà Huệ và ông Hùng A đều thừa nhận không hề có việc mua bán và giao vàng như lời bà Tr trình bày, ông Hùng A và bà Huệ cho rằng chỉ cho ông Tr, bà T ở nhờ căn nhà trên đất và trông coi đất giùm ông bà, sau đó để hợp thức hóa việc làm thủ tục giấy tờ nên giữa hai bên mới thỏa thuận miệng có việc mua bán như trên. Đồng thời qua xem xét nguồn gốc đất hoàn toàn là do ông T xin cấp đất và đi đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 44/QĐ-UB ngày 20/01/1988 của UBND huyện Đơn Dương (BL 98). Ông Cao Huy Hùng Anh cũng chính là người ký vào đơn xin đất cất nhà ở của ông T với nội dung “*Tôi Cao Huy Hùng Anh có đồng ý cho anh T đằm đất nêu trên*”. Tại phiên tòa phúc thẩm vợ chồng ông Hùng Anh trình bày nếu Tòa án giao toàn bộ thửa đất cho ông T thì ông bà không có ý kiến gì. Trường hợp nếu chia tài sản chung cho cả bà Tr, ông T thì ông bà đề nghị Tòa án xem xét chia cho ông bà một phần, điều đó thể hiện quan điểm yêu cầu của vợ chồng ông Hùng Anh không rõ ràng, lời trình bày bất nhất, hơn nữa không có chứng cứ, tài liệu nào thể hiện việc mua bán, sang nhượng như lời trình bày của bà Tr, ông T cũng như không có tài liệu chứng cứ thể hiện vợ chồng ông Hùng Anh cho vợ chồng bà Tr, ông T mượn đất. Do đó trường hợp bà Huệ, ông Hùng A có căn cứ chứng minh việc mua bán, giao dịch giữa hai bên và các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện để Tòa án

giải quyết bằng một vụ án khác vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông Cao Huy Hùng A và bà Đào Thị H.

Đối với việc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm anh Vư, chị V, anh V. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào quy định tại khoản 4 điều 25 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định “...*Trường hợp những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng chung một yêu cầu độc lập thì họ phải nộp chung tiền tạm ứng án phí*” và Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chung đối với anh Vư, chị V, anh V là có căn cứ và phù hợp với quy định.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nội dung vụ án. Không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng và kháng cáo của các đương sự. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm. Riêng ông Lê Văn T, sinh năm 1947 và ông Cao Huy Hùng Anh, sinh năm: 1946 là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
- Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn T.
- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Huy Hùng A, chị Lê Đào Thảo V, Lê Đào Quốc Vư, Lê Đào Huy Vũ.

Giữ nguyên bản án HNGĐ sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Tr.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đào Thị Tr và ông Lê Văn T.

2. Về tài sản: Giao cho bà Đào Thị Tr 500m² đất thuộc thửa 1/353, tờ bản đồ 28, tọa lạc TDP Lạc Thiện 2, thị trấn Dran, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 343203 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 12/06/2000 và tạm giao cho bà Đào Thị Tr 100m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận trong tổng số 400m² thuộc một phần thửa 1/353, tờ bản đồ 28, tọa lạc TDP Lạc Thiện 2, thị trấn Dran, huyện Đơn Dương, tỉnh

Lâm Đồng. Tổng cộng bà Đào Thị Tr được nhận diện tích đất 600m² (Tương đương 1/3 tổng diện tích thửa 353). Đất có tứ cận; phía Đông giáp đường hiện trạng của thửa 1/353 cạnh dài 21.8m; phía Tây giáp phần đất chia cho ông T có cạnh dài 27,5m; Phía Nam giáp thửa 1/353 cạnh dài 26,4m; phía Bắc giáp thửa 1/300 cạnh dài 25.4m; có 32m² thuộc 1/300 nằm ngoài lộ giới chưa được công nhận. *(Có sơ đồ kèm theo).*

Giao cho ông Lê Văn T 607m² đất thuộc một phần thửa 1/353, tờ bản đồ 28, tọa lạc TDP Lạc Thiện 2, thị trấn Dran, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 343203 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 12/06/2000 và tạm giao cho ông Lê Văn T 300m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận trong tổng số 400m² thuộc một phần thửa 1/353, tờ bản đồ 28, tọa lạc TDP Lạc Thiện 2, thị trấn Dran, Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Tổng cộng ông Lê Văn T được nhận diện tích 907m² (Tương đương 2/3 tổng diện tích thửa 353). Đất có tứ cận: phía Đông giáp đất chia cho bà Tr cạnh dài 27,5m; phía Tây giáp phần thửa 750 có cạnh dài 34,3m; phía Nam giáp thửa 1/351, 1/352 cạnh dài 32,8m; phía Bắc giáp thửa 1/300 cạnh dài 27.6m; có 45m² nằm trong lộ giới được công nhận. *(Có sơ đồ kèm theo).*

Bà Đào Thị Tr và ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đất đai để được điều chỉnh biến động cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Hủy giấy viết tay đề ngày 07/01/2002 và giấy ủy quyền ngày 30/9/2002 chứng thực số 43 quyền số 01 ngày 30/9/2002

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đào Thị Tr yêu cầu 153,5m² đất thuộc một phần thửa 1/353, tờ bản đồ 28, tọa lạc TDP Lạc Thiện 2. thị trấn Dran, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 343203 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 12/06/2000.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của các anh chị Lê Đào Quốc Vư, Lê Đào Huy V, Lê Đào Thảo V yêu cầu bà Đào Thị Tr thực hiện giao dịch sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1/353, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại TDP Lạc Thiện 2, thị trấn Dran, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 343203 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 12/06/2000.

6. Về án phí: Bà Đào Thị Tr và ông Lê Văn T không phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí chia tài sản. Ông T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm. Chị Lê Đào Thảo V, anh Lê Đào Quốc Vư, anh

Lê Đào Huy Vũ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu độc lập không được chấp nhận nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002568 ngày 11/8/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng

Chị Lê Đào Thảo V, anh Lê Đào Quốc Vư, anh Lê Đào Huy Vũ mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số 0002679 ngày 23/10/2020 số tiền 300.000đ; biên lai thu số 0002772 ngày 23/12/2020 số tiền 300.000đ và biên lai thu số 0002773 ngày 23/12/2020 số tiền 300.000đ đều của chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng

Miễn toàn bộ án phí cho ông Cao Huy Hùng A.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND huyện Đơn Dương (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Vân